

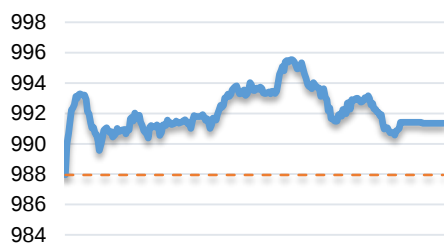
Market Today: Thị trường sẽ tiếp tục tích lũy trong trung hạn

14/09/2018

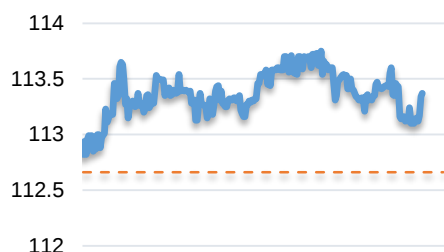
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	991.34	113.37	51.95
% ngày	0.34	0.63	0.44
% tuần	2.32	1.49	1.85
% tháng	1.34	3.26	0.51
% năm	22.95	8.61	(4.80)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,161	748	221
Hôm qua	3,690	690	243
TB 1 tháng	3,472	601	193
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	693.40	32.45	22.50
Bán	558.75	5.96	14.65
Giá trị ròng	134.65	26.49	7.85
Độ rộng TT			
Mã Tăng	151	90	100
Mã Giảm	121	59	61
Không Đổi	81	235	573
Chỉ số chính			
P/E	17.8x	10.8x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,158	198	862
LS Cổ tức	2.15	2.35	3.99

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Ngoại trừ thị trường Trung Quốc có sự điều chỉnh nhẹ và các thị trường khác đều tăng điểm trong phiên. Diễn biến tích cực của của thị trường Việt Nam đồng pha với thị trường toàn châu Á, đưa chỉ số VN-Index vượt mốc 990 điểm và tăng 0.34% đóng cửa ở mức 991.34 điểm. Trên sàn HNX và Upcom cũng thu hút được dòng tiền khá tốt trong phiên khi chỉ số HNX-Index tăng thêm 0.63% lên mức 113.37 điểm và chỉ số Upcom-Index đóng cửa gần mức 52 điểm.

Nhóm dầu khí mặc dù bị chốt lời theo đà của thị trường nhưng PVS, PVD, PVB vẫn giữ được đà tăng điểm, trong khi GAS lùi về mốc tham chiếu. Nhóm ngân hàng cũng chịu áp lực bán mạnh và hầu hết đảo chiều giảm nhẹ, ngoại trừ VCB và CTG vẫn giữ được đà tăng khá tốt. Trong khi đó, nhóm chứng khoán SSI, HCM, VCI, SHS, MBS... vẫn tăng điểm khá tốt.

Trong phiên cuối tuần, khối ngoại có thực hiện bán ròng 174 tỷ trái phiếu. Giao dịch khối ngoại trên cả 3 sàn luôn duy trì trạng thái mua ròng và tổng lượng mua ròng trong phiên lên đến 170 tỷ trên toàn thị trường. VNM, VCB, KDC, PVS ... là những mã được khối ngoại tập trung lượng vốn ròng vào nhiều nhất.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn giằng co trong vùng giá 955 – 968.5 điểm của chỉ số VN30 trong phiên giao dịch đầu tuần. Đồng thời, dòng tiền lại có khuynh hướng dịch chuyển về nhóm cổ phiếu Smallcaps, hay nói cách khác là tính chất đầu cơ có xu hướng quay trở lại khi nhóm cổ phiếu Largecaps vẫn còn giằng co mạnh. Ngoài ra, đây cũng là tuần cơ cấu danh mục của hai quỹ ETF cho nên mức độ thanh khoản có khả năng sẽ duy trì ở mức thấp và thị trường sẽ có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu trong các phiên giao dịch đầu tuần và cải thiện dần về cuối tuần. Tỷ trọng cổ phiếu khuyến nghị tiếp tục tăng dần cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 967.53 điểm của chỉ số VN-Index và 109.93 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục tích lũy cổ phiếu về mức khuyến nghị.

Theo đồ thị tuần, thanh khoản có hướng cải thiện tích cực hơn trong tuần giao dịch 10 – 14/09/2018 và dòng tiền trung hạn đã có xu hướng cải thiện hơn. Đồng thời, thị trường có thể sẽ tiếp tục bước vào giai đoạn tích lũy trong tuần giao dịch này, điểm tích cực là tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục có chiều hướng tăng và xu hướng tăng vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm Midcaps cho nên chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể tích lũy dần cổ phiếu và ưu tiên nắm giữ ở nhóm Midcaps đang có xu hướng tích cực.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 59% cổ phiếu/41% tiền mặt.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 44% cổ phiếu/56% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.85	GIẢM	GIẢM		17.84				19.58		
ACB	33.70	TĂNG	GIẢM	30.96	32.58	8.85%			36.35		
ACV	84.60	TĂNG	GIẢM	84.10	80.29	0.59%			95.72		
ANV	19.80	TĂNG	GIẢM	18.90	18.53	4.76%			21.39		
ASM	12.70	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-4.51%			14.14		
BFC	26.75	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	84.40	TĂNG	GIẢM	83.60	79.41	0.96%			101.13		
BID	34.85	TĂNG	TĂNG	25.80	32.73	35.08%		33.40	27.33	4.34%	
BMP	58.30	TĂNG	GIẢM	56.20	53.85	3.74%			62.30		
BSR	18.00	TĂNG	GIẢM	18.10	16.84	-0.55%			19.99		
BVH	97.70	TĂNG	TĂNG	95.70	90.98	2.09%		86.00	74.55	13.60%	
BWE	18.75	TĂNG	GIẢM	17.70	17.75	5.93%			19.20		
CEO	13.60	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	1.49%			14.91		
CHP	22.70	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-3.40%	
CSM	14.25	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	0.00%		14.39	12.77	-0.97%	
CTD	163.00	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	9.03%		161.20	140.81	1.12%	
CTG	26.95	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	12.29%			28.07		
CTI	26.60	GIẢM	GIẢM		28.06				33.12		
CVT	24.50	GIẢM	GIẢM		25.65				29.58		
DCM	10.30	TĂNG	GIẢM	10.16	10.05	1.36%			10.69		
DGW	25.90	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	8.37%			26.51		
DHA	27.20	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	39.60	GIẢM	GIẢM		40.34				43.77		
DHG	92.50	GIẢM	GIẢM		95.07				104.51		
DPG	52.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.16	27.14%		52.00	38.30	0.00%	
DPM	17.35	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	36.90	TĂNG	GIẢM	37.50	36.19	-1.60%			38.98		
DQC	28.80	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-2.54%			30.33		
DRC	27.20	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	5.22%		24.30	22.34	11.93%	
DXG	28.00	GIẢM	GIẢM		28.67				29.38		
ELC	8.86	GIẢM	GIẢM		9.18				10.51		
FCN	16.10	GIẢM	TĂNG		16.34			17.70	14.10	-9.04%	
FIT	4.24	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-0.70%			4.98		
FMC	26.10	TĂNG	TĂNG	21.20	25.15	23.11%		24.70	20.98	5.67%	
FPT	44.55	TĂNG	GIẢM	44.55	44.10	0.00%	MUA		45.46		
GAS	108.00	TĂNG	TĂNG	101.50	102.30	6.40%		103.00	83.67	4.85%	
GEX	28.60	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-4.98%	
GIL	51.00	TĂNG	TĂNG	41.65	50.29	22.45%		34.90	45.89	46.13%	

We Create Fortune

GMD	27.05	TĂNG	GIẢM	25.40	26.01	6.50%			28.65		
GTN	10.50	GIẢM	TĂNG		11.42			11.20	9.83	-6.25%	
HAG	6.11	GIẢM	TĂNG		6.51			6.19	5.86	-1.29%	
HAX	16.40	TĂNG	GIẢM	16.40	15.61	0.00%			18.40		
HBC	22.70	GIẢM	GIẢM		23.14				27.04		
HDB	38.60	TĂNG	GIẢM	38.20	36.39	1.05%			42.32		
HNG	16.90	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	1.20%		8.20	14.25	106.10%	
HPG	39.50	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	6.18%			42.50		
HSG	11.10	TĂNG	GIẢM	11.35	10.28	-2.20%			13.04		
HT1	14.00	TĂNG	TĂNG	11.75	12.99	19.15%		13.00	11.06	7.69%	
HUT	5.00	GIẢM	GIẢM		5.45				6.64		
HVN	37.90	GIẢM	TĂNG		39.79			39.20	31.92	-3.32%	
ITD	11.60	GIẢM	TĂNG	12.40	11.66	-5.99%	BÁN	12.40	11.14	-6.45%	
KBC	11.95	GIẢM	GIẢM		12.33				13.24		
KDH	33.40	TĂNG	TĂNG	30.30	31.79	10.23%		33.40	33.01	0.00%	MUA
KSB	31.70	TĂNG	GIẢM	30.95	30.75	2.42%			33.01		
LCG	9.15	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-3.28%		9.39	8.35	-2.56%	
LDG	14.95	TĂNG	GIẢM	15.00	14.27	-0.33%			15.06		
LIX	44.40	TĂNG	TĂNG	41.20	40.34	7.77%		44.40	43.73	0.00%	MUA
LPB	9.10	GIẢM	GIẢM		9.43				11.56		
LSS	7.22	TĂNG	GIẢM	7.22	6.85	0.00%	MUA		7.75		
MSN	91.60	TĂNG	TĂNG	79.10	91.20	15.80%		90.60	81.25	1.10%	
MWG	122.00	TĂNG	TĂNG	122.00	121.79	0.00%	MUA	121.00	106.33	0.83%	
NKG	13.10	GIẢM	GIẢM		13.19				15.99		
NLG	30.60	GIẢM	GIẢM		31.54				31.83		
NT2	27.75	TĂNG	GIẢM	27.20	26.88	2.02%			28.69		
NTL	9.70	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.28%		10.45	8.94	-7.18%	
NTP	45.80	GIẢM	GIẢM		50.59				51.08		
PAC	41.60	TĂNG	GIẢM	40.20	39.51	3.48%			42.18		
PC1	26.15	TĂNG	GIẢM	26.15	26.03	0.00%	MUA		28.42		
PDR	25.70	GIẢM	GIẢM		26.24				28.77		
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.68		
PHR	25.75	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	17.58%		24.00	21.67	7.29%	
PLX	70.60	TĂNG	TĂNG	60.50	67.56	16.69%		68.00	57.13	3.82%	
PNJ	101.90	GIẢM	TĂNG		102.91			103.90	86.95	-1.92%	
POW	14.80	TĂNG	TĂNG	13.00	14.07	13.85%		14.10	11.31	4.96%	
PPC	18.75	TĂNG	GIẢM	18.50	18.02	1.35%			19.21		
PTB	57.50	GIẢM	TĂNG		59.89			64.00	53.16	-10.16%	
PVD	16.35	TĂNG	TĂNG	15.75	15.00	3.81%		16.35	11.96	0.00%	
PVI	31.20	TĂNG	GIẢM	29.90	29.78	4.35%			32.96		
PVS	22.60	TĂNG	TĂNG	17.00	20.54	32.94%		20.90	16.39	8.13%	
PXS	6.05	TĂNG	TĂNG	6.17	5.69	-1.94%		6.19	4.60	-2.26%	
RAL	92.00	TĂNG	GIẢM	91.00	84.58	1.10%			100.14		



We Create Fortune

REE	35.65	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-2.06%	
SAB	222.80	TĂNG	GIẢM	208.00	216.31	7.12%			233.02		
SAM	7.75	TĂNG	TĂNG	7.16	7.41	8.24%		7.75	7.59	0.00%	MUA
SBV	22.05	GIẢM	GIẢM		25.07				27.76		
SCR	9.23	GIẢM	GIẢM		9.45				10.30		
SHI	6.10	GIẢM	TĂNG		6.27			6.99	5.88	-12.73%	
SJS	19.00	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	24.45	TĂNG	TĂNG	23.70	21.75	3.16%		23.10	20.01	5.84%	
SSI	32.10	TĂNG	GIẢM	29.55	30.48	8.63%			34.19		
STB	12.00	TĂNG	GIẢM	11.20	11.55	7.14%			12.71		
SVC	43.95	GIẢM	GIẢM		44.77				48.38		
TCB	25.25	GIẢM	GIẢM		26.36				N/A		
TCM	26.90	TĂNG	TĂNG	17.80	24.34	51.12%		21.60	19.48	24.54%	
TDH	11.35	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-2.99%			12.95		
TLH	7.16	GIẢM	GIẢM		7.37				8.11		
TMT	9.29	TĂNG	TĂNG	7.60	7.70	22.24%		9.29	7.28	0.00%	MUA
TNG	12.90	TĂNG	TĂNG	10.80	12.10	19.44%		12.00	10.54	7.50%	
TYA	10.45	GIẢM	GIẢM		10.78				11.82		
VCB	64.00	TĂNG	GIẢM	64.00	63.68	0.00%	MUA		64.41		
VFG	35.85	GIẢM	TĂNG		37.41			34.39	32.56	4.23%	
VGC	18.70	TĂNG	GIẢM	17.90	17.66	4.47%			21.13		
VHM	105.50	GIẢM	N/A		108.20						
VIB	27.60	GIẢM	GIẢM		27.70				30.67		
VIC	101.00	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-9.42%	
VIP	6.86	GIẢM	GIẢM		7.07				7.29		
VJC	149.00	GIẢM	TĂNG		154.95			156.00	130.21	-4.49%	
VNM	133.00	TĂNG	GIẢM	132.00	127.97	0.76%			139.87		
VPB	24.35	GIẢM	GIẢM		25.80				31.20		
VRC	22.70	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	27.89%		19.35	19.68	17.31%	
VRE	37.85	GIẢM	GIẢM		38.72				44.98		
VSC	39.80	GIẢM	TĂNG		41.60			35.30	35.61	12.75%	
VSH	17.40	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	0.00%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	991.34	0.34	HNI	113.37	0.63	UPCoM	51.95	0.44
VN30	960.33	0.33	HN30	205.60	0.46			
VN Mid	1,024.52	(0.03)	VNX AllSh	1,388.65	0.32			
VN Small	823.98	0.40						
GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	693.40		Mua	32.45		Mua	22.50	
Bán	558.75		Bán	5.96		Bán	14.65	
GT ròng	134.65		GT ròng	26.49		GT ròng	7.85	
Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	330	6.99%	MBS	1100	6.79%	GEG	700	5.98%
LIX	2900	6.99%	SLS	3200	4.55%	NTC	3600	5.71%
SJF	1450	6.86%	PLC	700	4.27%	MPC	500	1.25%
TTF	290	6.76%	AMV	700	2.69%	LPB	100	1.11%
GMC	1800	5.42%	NVB	200	2.35%	VIB	200	0.73%
Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TGG	-550	-2.81%	HUT	-100	-1.96%	LTG	-500	-1.33%
VND	-600	-2.55%	CEO	-200	-1.45%	BSR	-100	-0.55%
LDG	-350	-2.29%	VCG	-200	-1.13%	VG	0	0.00%
HSG	-250	-2.20%	PVI	-100	-0.32%	#N/A	#N/A	#N/A
GTN	-200	-1.87%	NDN	0	0.00%	#N/A	#N/A	#N/A
*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD >1.5 tỷ đồng								
GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	322,354		ACB	42,029		ACV	184,185	
VHM	282,699		VCS	14,992		BSR	55,809	
VNM	231,612		SHB	10,227		MCH	53,979	
VCB	230,257		PVS	10,095		HVN	47,354	
GAS	206,707		VGC	8,384		POW	34,660	
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
CTG	6.68	6.23	PVS	6.04	7.08	BSR	2.44	2.17
STB	5.25	5.59	ACB	4.14	5.15	ART	1.56	1.08
FLC	5.09	11.97	SHB	3.77	6.98	POW	1.30	1.66
HPG	4.65	5.44	KLF	2.76	1.91	LPB	1.06	1.63
VND	4.42	1.54	NVB	1.94	1.91	SBS	1.03	0.21

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

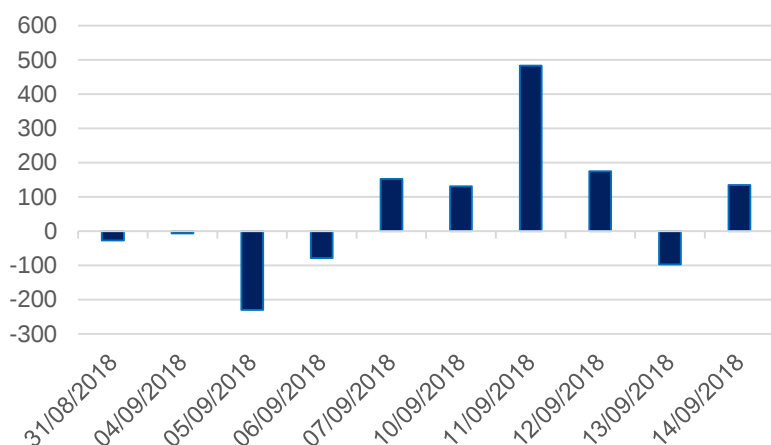
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

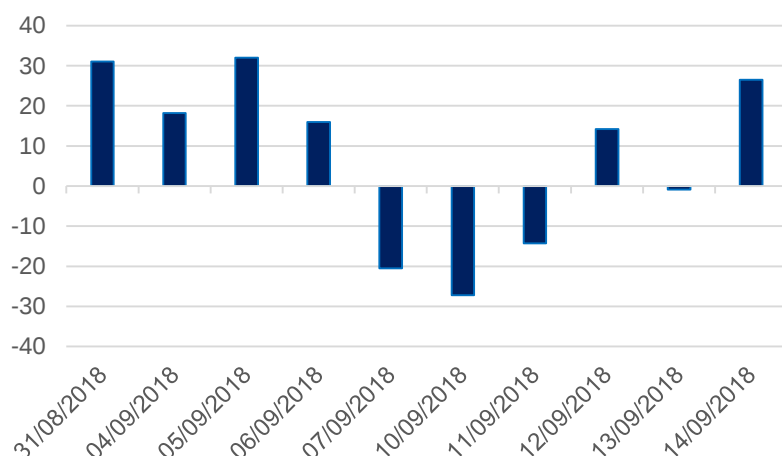
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VNM	38,624	MSN	(24,375)
VCB	33,225	CII	(15,437)
KDC	30,821	VCI	(11,640)
DXG	28,760	DHG	(9,688)
GEX	21,953	NCT	(9,591)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

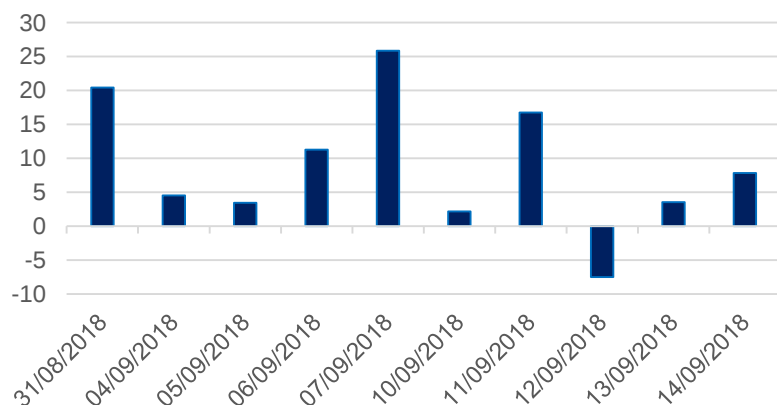
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	24,541	VGC	(1,688)
SHS	2,416	HAD	(689)
MBS	1,514	PVC	(324)
PLC	346	ICG	(259)
PMC	289	TNG	(208)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



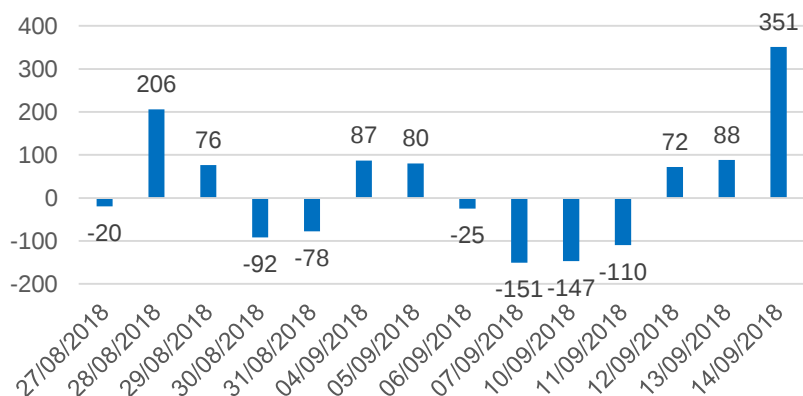
Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	8,111	VGT	(3,337)
VEA	4,063	LPB	(2,296)
BSR	1,790	GVR	(1,110)
GEG	1,126	HVN	(1,093)
MPC	346	ART	(271)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán
ròng (tỷ đồng)

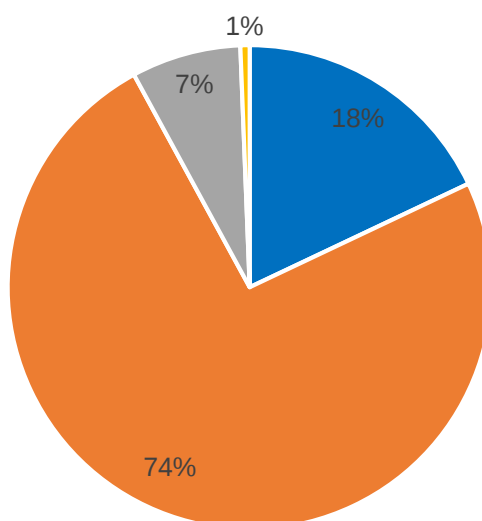


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
VIC	49,349	VNM	42,343
GMD	38,700	NVL	33,352
NVL	35,538	HPG	21,774
MWG	17,099	VIC	10,350
HPG	15,311	VIC	7,108

Top 5 các mã đặt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



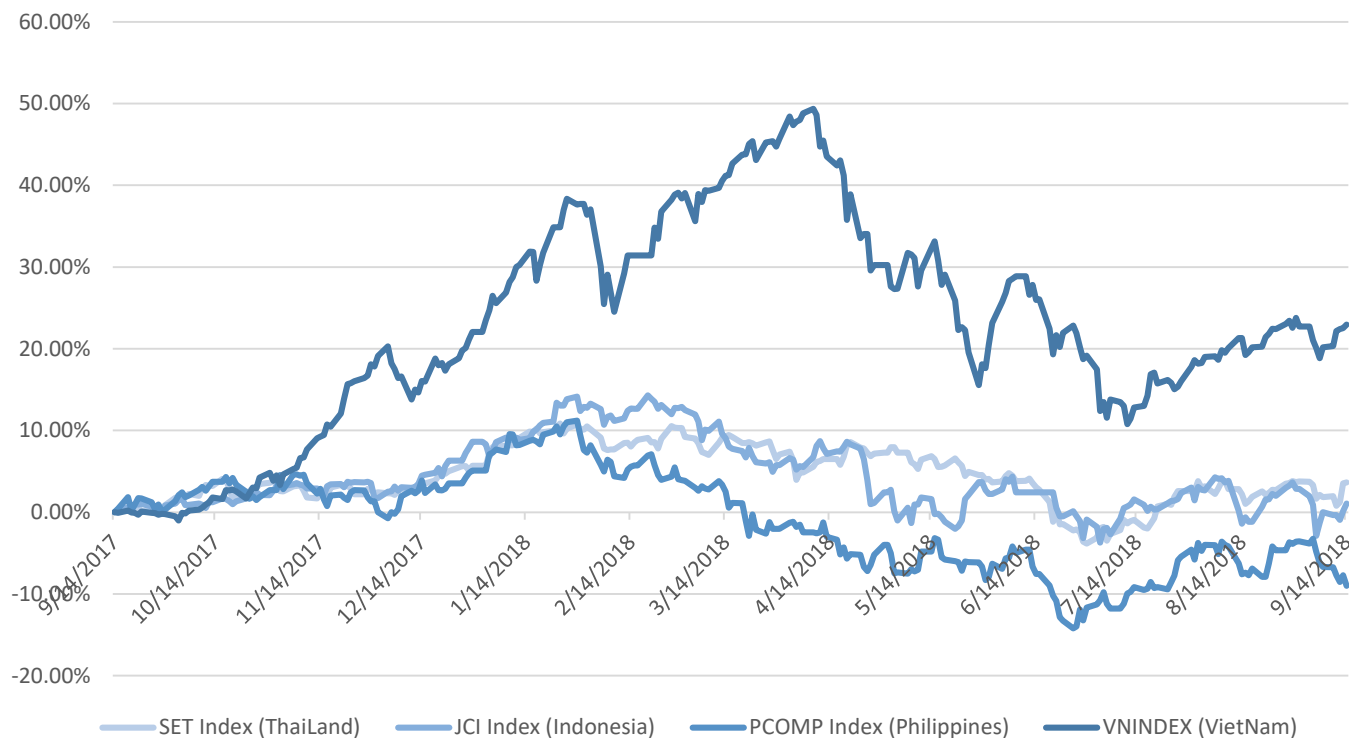
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

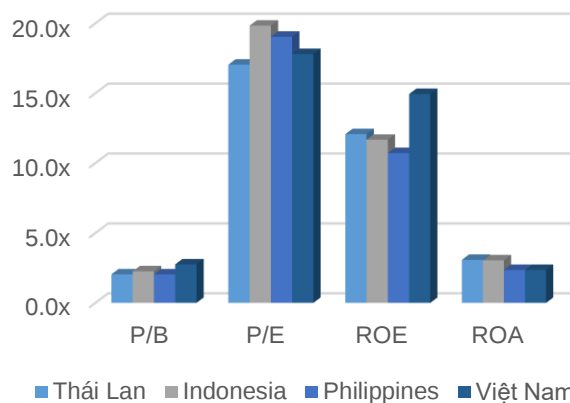
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.0x	2.8x
P/E		17.0x	19.8x	19.0x	17.8x
ROE	%	12.07	11.67	10.72	14.94
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	532.31	447.11	175.29	135.85
GTGD	Triệu USD	2.20	0.36	0.08	0.14
LS cổ tức	%	3.07	2.30	1.59	2.15

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written